TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01187

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08132003	PHẠM THỊ LAN	ANH	DH08SP						5	5	0
2	10113003	VÕ HOÀNG	ANH	DH10NH						5	5	0
3	10113004	NGUYỄN NGỌC THIÊN	ÂN	DH10NH						6	6	0
4	10113005	PHẠM HỒNG	ÂN	DH10NH						7	7	0
5	10113006	LÂM NGỌC	ẨN	DH10NH						6	6	0
6	10113007	ĐẶNG QUỐC	BẢO	DH10NH						7	7	0
7	10113008	NGUYỄN HOÀI	BẢO	DH10NH						5	5	0
8	10116009	NGUYỄN THỊ	BÌNH	DH10NH						7	7	0
9	10113011	TRẦN ĐỨC	BÌNH	DH10NH						7	7	0
10	10113014	NGUYỄN VĂN	CHÂN	DH10NH						6	6	0
11	10113015	PHAN MINH	CHÂU	DH10NH						7	7	0
12	10113226	CHAU	CHIÊN	DH10NH						5	5	0
13	10113019	LÊ VÕ NGỌC	DIỄM	DH10NH						6	6	0
14	10113020	PHẠM THỊ	DIỆP	DH10NH						6	6	0
15	10113021	KHƯƠNG VĂN	DUẨN	DH10NH						6	6	0
16	10113027	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	DH10NH						7	7	0
17	10113025	PHÙNG THỊ	DUYÊN	DH10NH						7	7	0
18	09113015	PHẠM THỊ THÙY	DƯƠNG	DH09NH						7	7	0

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Ng T Huyền Trang; Trần Thị Thu Loan

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Phạm Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2: Ngọc Nguyễn Ngọc Tú

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01187

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10113234	MAI HOÀNG	ĐẠO	DH10NH						6	6	0
20	10113228	Y LIM	ÊBAN	DH10NH						5	5	0
21	10113039	PHẠM NGỌC	HẢI	DH10NH						6	6	0
22	09113030	LÊ THỊ	HẰNG	DH09NH						6	6	0
23	10158011	CAO THỊ HOA	HẬU	DH10SK						6	6	0
24	10113043	ĐỖ THỊ NGỌC	HIỀN	DH10NH						7	7	0
25	10113045	LÊ THỊ THU	HIẾU	DH10NH						7	7	0
26	10113046	MAI CHÍ	HIẾU	DH10NH						4	4	0
27	10113047	TRẦN TRUNG	HIẾU	DH10NH						5	5	0
28	10113050	PHAN THỊ TÂM	HÒA	DH10NH						6	6	0
29	10113053	LÊ TIẾN	HOÀNG	DH10NH						7	7	0
30	10113061	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	DH10NH						6	6	0
31	10113057	NGUYỄN QUỐC	HUY	DH10NH						6	6	0
32	10113236	THẬP THỊ NHƯ	HUỲNH	DH10NH						5	5	0
33	10113063	LÊ VĨNH	HƯNG	DH10NH						7	7	0
34	10113064	LÊ QUỐC	HƯƠNG	DH10NH						5	5	0
35	10145066	HUỲNH HỒNG	KHÁNH	DH10BV						6	6	0
36	10113071	NGUYỄN VĂN	KHUYẾN	DH10NH						6	6	0

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Trương Ng T Huyền Trang; Trần Thị Thu Lưu

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Phạm Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2: Ngô Ngọc Tú

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01187

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10113073	ĐÀO THỊ HỒNG	KIỀU	DH10NH						7	7	0
38	10113076	THÁI THỊ	LÊ	DH10NH						6	6	0
39	10113079	NGUYỄN THỊ	LIÊN	DH10NH						5	5	0
40	10158077	NGUYỄN THỊ TRÚC	LIÊN	DH10SK						6	6	0
41	10113223	KIÊN NGỌC	LINH	DH10NH						5	5	0
42	10113224	THẠCH THỊ	LINH	DH10NH						5	5	0
43	10113081	TRẦN THỊ PHƯỢNG	LINH	DH10NH						5	5	0
44	09113067	NGUYỄN QUANG	LỘC	DH09NH						6	6	0
45	10113083	ĐẶNG THÀNH	LUÂN	DH10NH						5	5	0
46	08132035	LÊ VĂN	MINH	DH08SP						6	6	0
47	10113088	PHẠM THỊ	MINH	DH10NH						6	6	0
48	10113092	HUỲNH THẾ	NAM	DH10NH						6	6	0

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Trang Ng T Huyền Trang; Trần Thị Thu Loan

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Phạm Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngô Ngọc Trí

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01183

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10145050	LỮ MINH	HIỆP	DH10BV						7	7	
2	10145048	ĐINH QUANG	HIẾU	DH10BV						6	6	
3	10145051	NGUYỄN THỊ THANH	HÒA	DH10BV						6	6	
4	10145189	THỊ	HỒNG	DH10BV						5	5	
5	10145055	NGUYỄN PHÁT	HUY	DH10BV						6	6	
6	10145058	NGÔ THỊ NGỌC	HUYỀN	DH10BV						6	6	
7	10145059	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH10BV						7	7	
8	10145061	LÊ DIỄM	HƯƠNG	DH10BV						5	5	
9	10145072	NGUYỄN THỊ TUYẾT	LAN	DH10BV						5	5	
10	10145073	VÕ THÁI LY	LAN	DH10BV						6	6	
11	10145079	NGUYỄN ĐÌNH	LINH	DH10BV						5	5	
12	10145082	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	DH10BV						8	8	
13	10132027	VÕ THÀNH	LONG	DH10SP						5	5	
14	10145086	BÙI DUY	LUYỆN	DH10BV						5	5	
15	10132022	THIÊN THỊ NGỌC	MINH	DH10SP						4	4	
16	10145092	NGUYỄN THỊ THÚY	NGÂN	DH10BV						7	7	
17	10132020	KIM THỊ CẨM	NGUYÊN	DH10SP						4	4	
18	10145098	TRẦN VĂN	NGUYỆN	DH10BV						6	6	

Số bài: 28; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Đinh T. Tuyết Hằng; Nguyễn Ngọc Chấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Phan Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngô Ngọc Tú

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01183

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10145099	CAO THANH	NHÃ	DH10BV						6	6	0
20	~~10158027~~	~~LƯU VĂN~~	~~NHIỀU~~	~~DH10SK~~							V	0
21	10145103	HỒ QUỐC	OAI	DH10BV						7	7	0
22	10145106	PHẠM HUỲNH	PHÚ	DH10BV						5	5	0
23	10145109	VÕ HỮU	PHÚC	DH10BV						6	6	0
24	09145088	ĐẶNG THÀNH	PHƯƠNG	DH09BV						6	6	0
25	10145110	VÕ ĐĂNG	PHƯƠNG	DH10BV						6	6	0
26	~~10145111~~	~~LÂM THU~~	~~PHƯỢNG~~	~~DH10BV~~							V	0
27	10145114	NGUYỄN HOÀNG	QUEN	DH10BV						7	7	0
28	10145116	LÂM CÔNG	QUÍ	DH10BV						6	6	0
29	10145117	TRẦN HẠNH	QUYÊN	DH10BV						6	6	0
30	10145031	CHAU CHANH	RA	DH10BV						5	5	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0

Số bài: 28; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trường Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngày tháng năm

Phạm Thị Ngọc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01184

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10145119	HỒ THANH	SANG	DH10BV						5	5	0
2	10132026	NGUYỄN BÁ TÙNG	SANG	DH10SP						5	5	0
3	10145121	DƯƠNG TUẤN	TÀI	DH10BV						7	7	0
4	10132021	MAI THANH	TÂM	DH10SP						5	5	0
5	10145123	PHẠM THÀNH	TÂN	DH10BV						5	5	0
6	10145124	NGUYỄN QUỐC	THANH	DH10BV						7	7	0
7	10113138	TRẦN HỒNG	THẮM	DH10NH						6	6	0
8	10145190	TRIỆU	THÊ	DH10BV						5	5	0
9	10145128	NGUYỄN VĂN	THIỆT	DH10BV						6	6	0
10	10145129	HỒ TRƯỜNG	THỊNH	DH10BV						7	7	0
11	10145130	NGUYỄN XUÂN	THỊNH	DH10BV						7	7	0
12	10145132	NÔNG THỊ	THOẠI	DH10BV						6	6	0
13	10158037	ĐỒNG NGỌC	THUẬN	DH10SK						5	5	0
14	10145133	NGUYỄN HỒNG	THUẬN	DH10BV						6	6	0
15	10145136	TRẦN THỊ	THÚY	DH10BV						5	5	0
16	10145143	NGUYỄN TĂNG	THỪA	DH10BV						6	6	0
17	10145144	PHẠM QUỐC	THY	DH10BV						8	8	0
18	10145152	DƯƠNG THỊ THU	TRANG	DH10BV						5	5	0

Số bài: 28 ; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Phạm Thị Ngọc; Ngô T. Ngọc Hân

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Phạm Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2: Ngô Ngọc Tú

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01184

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10145153	LƯU TỪ ĐOAN	TRANG	DH10BV						6	6	0
20	10145154	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH10BV						7	7	0
21	10145155	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH10BV						6	6	0
22	10113171	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	DH10NH						5	5	0
23	10145165	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	DH10BV						7	7	0
24	10145166	NGUYỄN NHỰT	TRƯỜNG	DH10BV						4	4	0
25	10145169	TÔ THANH	TÚ	DH10BV						5	5	0
26	10145168	HUỲNH THANH	TUYỀN	DH10BV						6	6	0
27	10145175	NGUYỄN KHẢI	VĂN	DH10BV						6	6	0
28	10145176	ĐINH THỊ	VÂN	DH10BV						6	6	0
~~29~~	~~10145183~~	~~ĐINH THỊ~~	~~YẾN~~	~~DH10BV~~							0	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0

Số bài: 28 ; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Thị Ngọc

Ngô T. Ngọc Hân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phan Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01188

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10113097	MAI XUÂN	NGỌC	DH10NH						6	6	0
2	10113101	BÙI THỊ MỸ	NHẠN	DH10NH						6	6	0
3	10113254	~~ĐỒNG THỊ ÚT~~	~~NHI~~	~~DH10NH~~						6	6	0
4	10145100	~~LÊ HOÀNG~~	~~NHI~~	~~DH10BV~~							V	0
5	10113105	ĐẶNG MINH	NHỰT	DH10NH						6	6	0
6	10113002	NGUYỄN THỊ THU	NI	DH10NH						7	7	0
7	10113087	NGUYỄN VĂN	NINH	DH10NH						7	7	0
8	10113110	NGUYỄN THỊ KIỀU	PHÚC	DH10NH						6	6	0
9	10113116	PHẠM NGUYỄN HIỀN	PHƯƠNG	DH10NH						4	4	0
10	10158055	LƯƠNG THỊ QUỲNH	PHƯỢNG	DH10SK						7	7	0
11	10113120	NGUYỄN HỒNG	QUANG	DH10NH						5	5	0
12	10113124	HOÀNG LÊ NGỌC	QUÝ	DH10NH						7	7	0
13	10158046	QUÁCH CAO	QUÝ	DH10SK						7	7	0
14	10113227	CHAU KIM	SƯƠNG	DH10NH						6	6	0
15	10158047	LƯU THỊ MINH	TÂM	DH10SK						6	6	0
16	10113221	THỊ KIM	THÀ	DH10NH						6	6	0
17	10113136	ĐẶNG NGỌC	THẠNH	DH10NH						7	7	0
18	10113139	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	DH10NH						7	7	0

Số bài: 46; Số tờ: 46

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Ths Hoàng Thị Diễm

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Phạm Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngô Ngọc Tú

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01188

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10113230	PHÚ ĐẠI	THẮNG	DH10NH						5	5	0
20	10113219	TRẦN QUỐC	THẮNG	DH10NH						8	8	0
21	09113190	CHAU RÂM RÍT	THI	DH09NH						8	8	0
22	10113145	LÊ NGỌC HOÀNG	THIÊN	DH10NH						7	7	0
23	10113146	BÙI NGỌC	THỊNH	DH10NH						6	6	0
24	10113222	KIM	THỜI	DH10NH						5	5	0
25	10113152	PHẠM THỊ	THU	DH10NH						6	6	0
26	10113153	QUẢN THỊ	THU	DH10NH						5	5	0
27	10113154	NGUYỄN THẾ	THUẬN	DH10NH						5	5	0
28	10113158	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THỦY	DH10NH						6	6	0
29	10158039	HOÀNG VĂN	THỦY	DH10SK						6	6	0
30	10113156	PHẠM THỊ	THỦY	DH10NH						7	7	0
31	10113161	ĐINH TẤN	THỪA	DH10NH						6	6	0
32	10113163	NGUYỄN MINH	TIẾN	DH10NH						7	7	0
33	10113164	NGUYỄN ĐỨC	TIỆN	DH10NH						6	6	0
34	10158040	TIỀN QUỐC	TÍN	DH10SK						5	5	0
35	10113165	NGUYỄN QUỐC	TÌNH	DH10NH						6	6	0
36	10113167	NGÔ ĐÌNH MINH	TOÀN	DH10NH						6	6	0

Số bài: 46 ; Số tờ: 46

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Hoàng Thị Dung

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Phạm Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngô Ngọc Tú

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01188

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10113220	TRIỆU THỊ	TOÀN	DH10NH						5	5	0
38	10158074	BÙI THỊ HUYỀN	TRANG	DH10SK						7	7	0
39	10113174	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	DH10NH						7	7	0
40	10113178	LÊ HUY	TRỌNG	DH10NH						6	6	0
41	10113182	TRẦN VĨNH	TUÂN	DH10NH						5	5	0
42	10113185	HỒ TRẦN	TUYỀN	DH10NH						5	5	0
~~43~~	~~10113233~~	~~NG GIANG LONG BÁ~~	~~TƯỚC~~	~~DH10NH~~							0	0
44	10113191	VŨ VĂN	TỰU	DH10NH						6	6	0
45	10113193	TRẦN VIẾT	VĂN	DH10NH						6	6	0
46	10113195	TRẦN THỊ HẢI	VÂN	DH10NH						6	6	0
47	10113225	TRƯƠNG CHANE	XÊRÂY	DH10NH						6	6	0
48	10113205	NGUYỄN	XIN	DH10NH						6	6	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0

Số bài: 46 ; Số tờ: 46

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Hoàng Thị Dung

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Phạm Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngô Ngọc Tú

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01182

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10145001	BÙI QUANG	AN	DH10BV	1					6	6	0
2	10145007	NGUYỄN PHAN NGỌC	ANH	DH10BV	1					6	6	0
3	10145008	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	DH10BV	1					5	5	0
4	10132023	HOÀNG THỊ NGỌC	ÁNH	DH10SP	1					6	6	0
5	10145010	ĐINH DƯƠNG	ÂN	DH10BV	1					6	6	0
6	08113002	VÕ LÂM NGỌC	ẨN	DH08NH	1					5	5	0
7	09113002	NGUYỄN PHƯƠNG	BẮC	DH09NH	1					6	6	0
8	10145012	VŨ THÁI	BÌNH	DH10BV	1					7	7	0
9	10145013	DƯƠNG VĂN	CAO	DH10BV	1					7	7	0
10	10132001	NGUYỄN THỊ KIM	CHÂU	DH10SP	1					5	5	0
11	10145014	VÕ ĐẶNG BÍCH	CHÂU	DH10BV	1					7	7	0
12	10145015	HOÀNG THỊ TRÚC	CHI	DH10BV	1					7	7	0
13	10145016	NGUYỄN THỊ BÍCH	CHI	DH10BV	1					5	5	0
14	10145017	TRẦN THỊ MỸ	CHI	DH10BV	1					6	6	0
15	10145020	LÊ ĐỨC	CƯỜNG	DH10BV	1					6	6	0
16	10145021	LÊ TẤN	CƯỜNG	DH10BV	1					5	5	0
17	10145022	TRẦN QUỐC	CƯỜNG	DH10BV	1					6	6	0
18	09131089	LÊ THỊ	DIỆU	DH09CH	1					5	5	0

Số bài:...30.....; Số tờ:.....30.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — H. Đức

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Phạm Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngọc Tài

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01182

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Sinh lý thực vật (204103) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10145028	HỒ THỊ MỸ	DUYÊN	DH10BV	1					6	6	0
20	10145029	DƯƠNG THỊ THÙY	DƯƠNG	DH10BV	1					7	7	0
21	10145032	ĐỖ TIẾN	ĐẠT	DH10BV	1					6	6	0
22	10145036	NGUYỄN THỐNG	GIANG	DH10BV	1					7	7	0
23	10145037	NGUYỄN THANH	HÀ	DH10BV	1					7	7	0
24	10145038	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	DH10BV	1					5	5	0
25	10145039	NGUYỄN THANH	HẢI	DH10BV	1					7	7	0
26	10145041	ĐẶNG THỊ	HẠNH	DH10BV	1					7	7	0
27	10145185	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH10BV	1					7	7	0
28	10145188	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH10BV	1					5	5	0
29	10145043	HÀ HỒNG	HÂN	DH10BV	1					7	7	0
30	10145044	BẠCH VĂN	HIỀN	DH10BV	1					6	6	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0
											V	0

Số bài: 30 ; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Trương H. Đức — Đinh Thanh Tùng

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Phạm Thị Ngọc

Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngô Ngọc Trí

Ngày tháng năm